TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2023/DS-PT
Ngày 10/03/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh

Bà Đinh Thị Tuyết

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 397/2022/TLPT-DS, ngày 05/12/2022 về việc " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 199/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 371/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐPT-DS ngày 17/01/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P; Địa chỉ: Số 77 tổ 4, B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N; Địa chỉ: TDP6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Đ; Địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lại Nam H; Địa chỉ: 282 L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Đình S; Địa chỉ: 32/1 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Do có quan hệ thân quen giữa ông và ông Nguyễn Đình S nên vào ngày 28/9/2019 ông có đưa cho ông S 200.000.000 đồng để ông S đưa cho bà Phạm Thị Đ vay tiền, thời hạn là 12 ngày, đến ngày 10/10/2019 thì bà Đ phải trả tiền cho ông S. Nhưng đến hạn bà Đ không trả nợ như thỏa thuận cho ông S nên vào ngày 10/5/2020 ông, bà Đ cùng ông S đã gặp nhau để làm lại giấy vay tiền với nội dung: Ông cho bà Phạm Thị Đ vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 18 tháng, từ ngày 28/9/2019 đến ngày 28/3/2021, lãi suất thỏa thuận là 15%/năm. Đến hết thời hạn theo thỏa thuận thì bà Đ chưa trả số tiền nợ gốc và lãi suất nào cho ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Đ phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất 15%/năm theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền kể từ ngày 28/9/2019 đến ngày xét xử và tiếp tục tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Người làm chứng ông Nguyễn Đình S trình bày: Từ mối quan hệ thâm giao của ông với nguyên đơn ông Nguyễn Văn P và mối quan hệ quen biết giữa ông và bà Phạm Thị Đ. Bà Đ có nhờ ông vay của ông P 200.000.000 đồng. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 28/9/2019 ông P đã giao cho ông số tiền trên bằng tiền mặt tại nhà ông P. Sau đó ông đã đưa toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng cho bà Đ mà không làm giấy tờ giao nhận tiền vì lúc đó đã khuya và bà Đ hứa chỉ mượn trong 12 ngày đến ngày 10/10/2019 sẽ trả cho ông toàn bộ số tiền trên để ông trả cho ông P.

Song đến thời hạn nói trên bà Đ không trả cho ông số tiền trên. Sau nhiều lần ông và ông P gặp bà Đ để đòi tiền mãi đến ngày 10/5/2020 bà Đ mới đồng ý cùng ông P làm giấy vay nợ tiền của ông P với nội dung: Bà Đ vay ông P 200.000.000 đồng, lãi suất vay là 15%/năm, thời hạn vay 18 tháng tính từ ngày 28/9/2019 (ngày bà Đ nhận tiền) đến ngày 28/3/202, tiền lãi và tiền gốc nhận một lần. Tuy nhiên cho đến nay bà Đ vẫn chưa trả số tiền trên cho ông P như đã thỏa thuận.

Tại bản án số: 199/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P.

Buộc bà Phạm Thị Đ phải trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền nợ 282.200.000 đồng: Trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi 82.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/10/2022, bị đơn bà Phạm Thị Đ kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án số 199/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn bà Phạm Thị Đ vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Đ, Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 199/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết lại theo thủ tục chung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Tại Hợp đồng vay tiền cá nhân đề ngày 10/5/2020 với nội dung ông Nguyễn Văn P cho bà Phạm Thị Đào vay số tiền 200.000.000 đồng tiền mặt. Thời hạn vay 18 tháng (từ ngày 28/9/2019 đến ngày 28/03/2021. Phương thức vay tiền mặt, lãi suất 15%/năm. Tiền lãi trả một lần, đến thời hạn trả là 45.000.000 đồng. Mục đích vay tiền để kinh doanh, hợp đồng vay tiền có ông Nguyễn Đình S là người làm chứng.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm các bên đương sự đều thừa nhận: Bà Đ nhận 200.000.0000 đồng trực tiếp từ ông S, không nhận tiền từ ông P. Ông P

cho rằng ông vay 200.000.000 đồng của ông Đoàn Đắc Đ1, sau đó ông đưa cho ông S rồi ông S lại đưa cho bà Đ mượn. Sau nhiều lần bà Đ không trả ông S nên các bên mới ngồi với nhau để thỏa thuận chuyển nợ từ ông S thành bà Đ trực tiếp vay của ông P. Ông P còn cho rằng, trước đó không biết bà Đ là ai, đến ngày 10/5/2020 các bên gặp nhau thỏa thuận thì ông mới biết bà Đ tuy nhiên tại giấy vay tiền đề ngày 9/5/2020 ông P lại ký vào giấy vay tiền giữa ông S với tư cách là người làm chứng.

Tại cấp phúc thẩm, bà Đ Cung cấp thêm các bảng sao kê tai ngân hàng thể hiện. Sau khi vay tiền của ông S bà đã trả tiền lãi cho ông Đ1, cụ thể: Ngày 21/10/2019 bà Đ chuyển cho ông Đ1 6.000.000 đồng ghi nội dung "*Anh P thanh toán tiền lãi*"; ngày 12/11/2019 bà Đ chuyển cho ông Đ1 12.000.000 đồng ghi nội dung "*Anh P gửi tiền anh Đ1*"; Ngày 23/11/2019 chuyển cho ông Đ1 6.000.000 đồng ghi nội dung "*Anh P Ck anh Đ1*"; ngày 10/12/2019 chuyển cho ông Đ1 6.000.000 đồng ghi nội dung "*Anh P chuyển tiền anh Đ1*". Bà Đ cho rằng, trong số 30.000.000 đồng đã sao kê từ ngân hàng mà bà đã cung cấp cho Tòa án thì bà chỉ chuyển cho ông Đ1 18.000.000 đồng tiền lãi, 12.000.0000 đồng còn lại bà không biết ai trả. Ông P cho rằng, sau khi vay của ông Đ1 ông đã trả được cho ông Đ1 3.000.000 đồng tiền lãi và bà Đ trả 36.000.000 đồng tiền lãi.

Xét lời khai của ông P còn có nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ, số tiền các bên đã trả lãi cụ thể cho ông Đ1 là bao nhiêu chưa được làm rõ, và cần đưa ông Đ1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để xác định lại, thời gian vay, số tiền đã vay, số tiền lãi

Do Tòa cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các chứng cứ nên cấp phúc thẩm không thể xem xét khắc phục được. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Từ những phân tích, nhận định trên cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Đ.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 199/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án choToà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: sẽ được quyết định khi vụ án được xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Phạm Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Đ.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 199/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2]. Về án phí:

[2.1] Về án phí DSST: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2].Về án phí DSPT: Bà Phạm Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được nhận lại 300.000 đồng án phí DSPT theo biên lai thu số AA/2021/0022603 ngày 11/11/2022 tại Chi cục thi hành án thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

[3].Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm

THÀNH VIÊN HĐXX THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Sâm